

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LÊ CHÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2020/HNGĐ-ST  
Ngày 23-9-2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hải Yên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Trí

Bà Hà Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 777/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị V; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 368 Nguyễn L, phường D, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Tiêu Phi L; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 368 Nguyễn L, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 02 Tiên Lãng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 7 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị V trình bày: Chị và anh Tiêu Phi L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, Quận Lê Chân, thành phố Hải

Phòng ngày 20/8/2003.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm từ cuối năm 2017, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh L không có trách nhiệm với gia đình, thường say rượu và đánh đập, có lời lẽ xúc phạm chị. Từ cuối năm 2017 chị V đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người một nơi và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Sau đó chị V được biết anh L nghiện ma túy và phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện 02 Tiên Lãng. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm T, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tiêu Phi L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tiêu Văn T, sinh ngày 28/10/2003 và Tiêu Ánh TA, sinh ngày 19/01/2009. Chị V đề nghị giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh L trình bày: Anh và chị V xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào năm 2003. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự tôn T nhau nên thường xảy ra cãi vã, xô xát. Vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ năm 2017 đến nay. Hiện nay do mắc nghiện ma túy nên anh đang phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện 02 Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, chị V xin ly hôn anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tiêu Văn T, sinh ngày 28/10/2003 và Tiêu Ánh TA, sinh ngày 19/01/2009, nay ly hôn chị V đề nghị được nuôi cả hai con anh L đồng ý và đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi chị V và anh L sinh sống thể hiện: Chị V và anh L xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xảy ra cãi vã, xô xát. Do mắc nghiện ma túy nên hiện nay anh L đang phải đi cai nghiện bắt buộc. Nay chị V có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào mâu thuẫn của chị V và anh L cũng như các quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tiêu Văn T, sinh ngày 28/10/2003 và Tiêu Ánh TA, sinh ngày 19/01/2009. Do hiện nay anh L đang phải đi cai nghiện bắt buộc không có điều kiện nuôi dạy các con, vậy nên đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị V nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu được tốt nhất. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con là việc của hai vợ chồng nên đại diện chính quyền địa phương cũng như gia đình không có ý kiến gì.

Về tài sản chung của chị V và anh L: Đại diện gia đình và chính quyền địa phương không có ý kiến gì vì đây là vấn đề cá nhân, riêng tư.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị V và anh L lấy nhau có đăng ký kết hôn vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị V được ly hôn anh L theo quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tiêu Văn T, sinh ngày 28/10/2003 và Tiêu Ánh TA, sinh ngày 19/01/2009, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con và hai con cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, anh L cũng đồng ý đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị V nuôi dưỡng hơn nữa hiện nay anh L đang phải đi cai nghiện bắt buộc không có điều kiện chăm sóc các con. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị V và anh L.

Về tài sản chung: Chị V và anh L không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện xin ly hôn thì bị đơn anh Tiêu Phi L; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 368 Nguyễn L, phường D, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 02 Tiên Lãng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Dương Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Tiêu Phi L vắng mặt nhưng có đề nghị xin xét xử vắng mặt, do vậy HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Dương Thị V và anh Tiêu Phi L.

- Về hôn nhân:

[3] Việc kết hôn giữa chị Dương Thị V và anh Tiêu Phi L tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đều xác nhận là vợ chồng có mâu thuẫn trầm T, đến nay tình cảm vợ chồng rạn nứt không còn, hai bên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh L trên thực tế đã không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm T, hai bên đã sống ly thân nhau từ năm 2017, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy yêu cầu của chị Dương Thị V được ly hôn với anh Tiêu Phi L là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Chị V và anh L có 02 con chung là Tiêu Văn T, sinh ngày 28/10/2003 và Tiêu Ánh TA, sinh ngày 19/01/2009. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, anh L hiện đang đi cai nghiện bắt buộc đồng thời cũng có quan điểm đồng ý để chị V nuôi dưỡng các con chung. Vì vậy HĐXX xét thấy việc giao cả hai con chung cho chị V nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với điều kiện thực tế, cũng như nguyện vọng của hai cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V không yêu cầu anh L đóng góp nuôi con cùng anh; Đồng thời anh L cũng không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi dưỡng. Do vậy HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị Dương Thị V và anh Tiêu Phi L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Dương Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 51,56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị V và anh Tiêu Phi L.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Tiêu Văn T, sinh ngày 28/10/2003 và Tiêu Ánh TA, sinh ngày 19/01/2009 cho chị Dương Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Dương Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị V đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013948 ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị V, anh Tiêu Phi L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- UBND phường D, quận Lê Chân, Hải Phòng (GCNKH 20/8/2003);
- Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hải Yến**

